

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN
(Dành cho sinh viên từ khóa 61)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN (D401)

NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI

MÃ NGÀNH: 7840104

HẢI PHÒNG 2020

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	3
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	11
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	12
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	13
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	16
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	16
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	18
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	22
2.4. Tóm tắt các học phần	24

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế vận tải biển do Khoa Kinh tế xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình của một số trường trong nước và quốc tế. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân ngành Kinh tế vận tải biển
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	122
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vamaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	2020

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung và cho ngành Kinh tế vận tải biển nói riêng.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế vận tải biển kết hợp giữa các mặt: kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành và phẩm chất đạo đức. Sinh viên ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

Sinh viên có khả năng tác nghiệp, kinh doanh, phân tích, nghiên cứu về các vấn đề kinh tế biển và có khả năng tiếp tục học tập, tham gia ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế vận tải biển.

Sinh viên ra trường có kỹ năng giao tiếp tốt và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý	
1.1.1	Kiến thức cơ bản về KHXH, KH chính trị	3.0
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>	3.0
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>	3.0
1.1.1.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>	3.0
1.1.1.4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>	3.0

1.1.1.5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội</i>	3.0
1.1.2	Kiến thức cơ bản về pháp luật	3.0
1.1.2.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	2.0
1.1.2.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>	3.0
1.2	Kiến thức cơ bản về toán học	
1.2.1	Toán học chuyên đề (toán kinh tế)	3.0
1.2.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>	3.0
1.2.1.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>	3.0
1.3	Kiến thức cơ sở ngành	
1.3.1	Giới thiệu ngành kinh tế	2.0
1.3.1.1	<i>Giới thiệu tổng quan về ngành kinh tế, bối cảnh hiện tại và triển vọng công việc trong tương lai đối với sinh viên ngành Kinh tế vận tải biển</i>	2.0
1.3.2	Kiến thức cơ sở về kinh tế	3.0
1.3.2.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i>	2.0
1.3.2.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>	2.0
1.3.2.3	<i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>	3.0
1.3.2.4	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>	3.0
1.3.3	Kiến thức về kết cấu tàu thủy	3.0
1.3.3.1	<i>Những kiến thức đại cương về các đặc trưng kỹ thuật – khai thác của tàu biển: đặc trưng về chiều dài, đặc trưng về trọng lượng và về dung tích, tốc độ tàu, tự hành hay không tự hành, tầm xa bơi lội và một số đặc trưng khác của tất cả các loại tàu vận tải</i>	2.0
1.3.3.2	<i>Biết được các tính năng hàng hải của con tàu: Tính nổi, Tính ổn định, tính chống chìm, Tính lắc,.. Các kết cấu và kiểu liên kết kết cấu của từng vùng cụ thể trên tàu thủy</i>	3.0
1.3.4	Kiến thức về máy nâng chuyển	3.0
1.3.4.1	<i>Đặc điểm, các thông số cơ bản của Máy nâng chuyển Cầu tạo, nguyên lý hoạt động Máy nâng chuyển Lựa chọn các Máy nâng chuyển phù hợp với mục đích khai thác, sử dụng</i>	2.0
1.3.4.2	<i>Biết cách đọc các thông số cơ bản của các Máy nâng chuyển. Biết cách nhận dạng, lựa chọn các loại Máy nâng chuyển. Biết đọc các sơ đồ cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các loại Máy nâng chuyển</i>	3.0
1.3.5	Kiến thức về logistics, vận tải đa phương thức và chuỗi cung ứng	3.0
1.3.5.1	<i>Có hiểu biết hệ thống khái niệm về Logistics, Logistics kinh doanh, dịch vụ Logistics.</i>	2.0

1.3.5.2	<i>Có hiểu biết về các loại hình dịch vụ logistics và quy định pháp luật về dịch vụ Logistics.</i>	2.0
1.3.5.3	<i>Có hiểu biết về các vấn đề cơ bản của Vận tải đa phương thức, chứng từ Vận tải đa phương thức, phạm vi trách nhiệm và trường hợp miễn trách của người kinh doanh vận tải đa phương thức.</i>	2.0
1.3.5.4	<i>Xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng và quản trị chiến lược chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, hoạt động, tác động của thông tin cũng như cách đo lường hiệu quả và xây dựng chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.</i>	3.0
1.3.5.5	<i>Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng hiện nay.</i>	3.0
1.3.6	Kiến thức về tài chính, kế toán và thuế	3.0
1.3.6.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>	2.0
1.3.6.2	<i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i>	2.0
1.3.6.3	<i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>	2.0
1.3.6.4	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>	3.0
1.3.7	Giao dịch thương mại quốc tế	3.0
1.3.7.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về các phương thức giao dịch phổ biến, về hình thức và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các điều kiện thương mại quốc tế thường được sử dụng bởi các thương nhân, doanh nghiệp trong quá trình làm ăn buôn bán.</i>	2.0
1.3.7.2	<i>Sinh viên được rèn luyện một số kỹ năng quan trọng như giao dịch bằng thư tín thương mại, lập hợp đồng thương mại</i>	3.0
1.3.8	Kiến thức về nghiệp vụ hải quan đối với hàng hóa XNK	3.0
1.3.8.1	<i>Có được những kiến thức liên quan đến các cơ sở pháp quy chủ yếu của nghiệp vụ hải quan như xuất xứ hàng hoá, cách xác định trị giá tính thuế, các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan cũng như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.</i>	2.0
1.3.8.2	<i>Có khả năng chuẩn bị hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ, khai hải quan điện tử trên phần mềm khai hải quan hiện hành, làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất nhập khẩu.</i>	3.0
1.3.9	Kiến thức về thống kê phân tích các hoạt động kinh doanh trong vận tải biển	3.0
1.3.9.1	<i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i>	2.0

1.3.9.2	<i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>	2.0
1.3.9.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i>	2.0
1.3.9.4	<i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giả.</i>	2.0
1.3.9.5	<i>Có khả năng đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, phát hiện các khuyết tật và biện pháp khắc phục nếu có, để có thể phục vụ cho công tác dự báo trong nghiên cứu kinh tế.</i>	3.0
1.3.9.6	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp.</i>	3.0
1.3.9.7	<i>Có khả năng phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.</i>	3.0
1.3.10	Pháp luật kinh tế	3.0
1.3.10.1	<i>Kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh thương mại.</i>	3.0
1.3.10.2	<i>Hiểu biết được các vấn đề pháp luật kinh tế, có khả năng vận dụng kiến thức để giải thích những vấn đề pháp lý trong thực tiễn, có khả năng lựa chọn, thành lập, quản trị doanh nghiệp, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại cũng như vận dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh thương mại.</i>	3.0
1.3.11	Bảo hiểm	3.0
1.3.11.1	<i>Có kiến thức khái quát về bảo hiểm nói chung và các kiến thức chuyên ngành về bảo hiểm.</i>	2.0
1.3.11.2	<i>Kiến thức đàm phán, ký kết hợp đồng bảo hiểm hàng hải: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, Bảo hiểm thân tàu và Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu. Kiến thức giải quyết khiếu nại khi đối tượng bảo hiểm bị tổn thất.</i>	3.0
1.3.12	Hàng hóa trong vận tải	2.0
1.3.11.1	<i>Hiểu được một số kiến thức cơ bản về hàng hóa trong vận tải, về tính chất chung của từng nhóm hàng hóa phổ biến trong vận tải.</i>	2.0
1.3.11.2	<i>Nhận thức về yêu cầu trong việc bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển từng nhóm hàng này đối với hoạt động vận tải.</i>	2.0
1.3.12	Thực tập cơ sở ngành	2.0
1.3.12.1	<i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo thực tập</i>	2.0
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ	
1.4.1	Kiến thức chuyên ngành về địa lý vận tải biển	2.0
1.4.1.1	<i>Giúp người học nhận thức về những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển.</i>	2.0
1.4.1.2	<i>Trang bị kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.</i>	2.0
1.4.2	Kinh tế vận chuyển	3.0

1.4.2.1	Giải thích được đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, cấu trúc chi phí vận tải biển, cấu trúc giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.	3,0
1.4.2.2	Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường vận tải biển, cung, cầu, chi phí và giá cước trong vận chuyển đường biển.	3,0
1.4.2.3	Giải thích được phản ứng của cung, cầu vận tải khi giá cước vận chuyển trên thị trường tự do thay đổi	3,0
1.4.3	Kiến thức chuyên ngành về quản lý tổ chức và khai thác cảng biển	4.0
1.4.3.1	Giải thích vai trò, chức năng của cảng biển, hoạt động của các trang thiết bị tại cảng.	2.0
1.4.3.2	Tổng kết những vấn đề chung về cảng; thị trường phục vụ của cảng; hoạt động của cảng và quản lý cảng; tài sản cố định trong quá trình sản xuất; tổ chức sản xuất kỹ thuật; chi phí sản xuất phục vụ; hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất phục vụ tại cảng.	3.0
1.4.3.3	Tóm tắt những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý sản xuất ở cảng; công tác bốc dỡ hàng hóa đến cảng; khả năng thông qua của các khâu; nhân lực trong bốc dỡ hàng ở cảng; nguyên lý khi lựa chọn thiết bị xếp dỡ, công cụ mang hàng, điều động phương tiện, thiết bị và nhân lực khi phục vụ tàu đến cảng.	3.0
1.4.3.4	Tính toán một số chỉ tiêu khai thác.	4.0
1.4.4	Kiến thức về đại lý môi giới tàu và giao nhận hàng hóa	3.0
1.4.4.1	Vận dụng được kiến thức về hoạt động đại lý tàu biển, hoạt động môi giới hàng hải và giao nhận hàng hoá tại cảng.	2.0
1.4.4.2	Áp dụng chính xác kiến thức về hoạt động đại lý tàu biển và giao nhận hàng hoá tại cảng vào trường hợp thực tế .	3.0
1.4.4.3	Làm việc nhóm và viết báo cáo chính xác theo yêu cầu thực hiện hoạt động đại lý cho tàu biển tại cảng	3.0
1.4.5	Pháp luật trong vận tải biển	3.0
1.4.5.1	Vận dụng nội dung cơ bản công ước của Liên hiệp quốc về luật biển, Luật hàng hải Việt Nam.	3.0
1.4.5.2	Giải được bài toán tình huống liên quan đến trách nhiệm của người vận chuyển, thuê tàu, phân chia tiền công cứu hộ, trách nhiệm của bảo hiểm. Vận dụng hệ thống kiến thức đã học vào phân tích và xử lý tình huống trong thực tiễn pháp luật vận tải biển của Việt nam và những quy định theo các công ước quốc tế.	3.0
1.4.5.3	Tổ chức hoạt động nhóm và trình bày kết quả của nhóm theo các tình huống được giao.	3.0
1.4.6	Kiến thức chuyên ngành về quản lý tổ chức và khai thác tàu biển	5.0
1.4.6.1	Nắm được nội dung và chức năng công tác quản lý tàu, các luật lệ chi phối đến quản lý tàu, vai trò, nội dung các lĩnh vực của quản lý tàu.	2.0
1.4.6.2	Nắm được cấu trúc ngân quỹ của chủ tàu và chiến lược đầu tư tàu. Hiểu được cấu trúc dòng tiền, tính được các chỉ tiêu hiệu quả dự án đầu tư tàu.	3.0
1.4.6.3	Phân biệt được quy trình nghiệp vụ khai thác tàu chuyển, tàu định tuyến và các hình thức cho thuê tàu.	4.0
1.4.6.4	Tổ chức chuyến đi và đánh giá chuyến đi của đội tàu vận tải biển.	5.0
1.4.7	Thực tập chuyên ngành	4.0

1.4.7.1	<i>Tìm hiểu và viết báo cáo về 1 trong các nghiệp vụ sau của doanh nghiệp: nghiệp vụ khai thác tàu và phương tiện vận tải biển, khai thác, kinh doanh cảng thủy, giao nhận hàng hóa,</i>	3.0
1.4.7.2	<i>Tìm hiểu, viết và bảo vệ một trong các nghiệp vụ chuyên môn: trong các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển, các công ty dịch vụ trong ngành công nghiệp vận tải biển,</i>	3.0
1.4.7.3	<i>Xây dựng một kế hoạch tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn: tại các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển, các công ty dịch vụ trong ngành công nghiệp vận tải biển,</i>	4.0
1.4.8	Thực tập tốt nghiệp	4.0
1.4.8.1	<i>Lập kế hoạch giải phóng tàu tại Cảng, tổ chức chuyển đi cho tàu chuyển hoặc tàu định tuyến; tổ chức vận chuyển một lô hàng XNK cụ thể.</i>	4.0
1.4.8.2	<i>Nắm được các điều kiện về kinh doanh vận tải biển. Hiểu và phân biệt được các loại hình kinh doanh vận tải biển.</i>	3.0
1.4.8.3	<i>Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động kinh doanh vận tải biển.</i>	4.0
1.4.8.4	<i>Phân tích các nhân tố tác động đến giá dịch vụ cảng, các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh cảng trong kinh doanh cảng biển; các chế định pháp luật chi phối kinh doanh khai thác cảng biển</i>	4.0
1.4.8.5	<i>Các cách đánh giá hiệu quả đầu tư và khai thác cảng.</i>	4.0
1.6	Kiến thức tốt nghiệp	
1.6.1	Khóa luận tốt nghiệp	5.0
1.6.1.1	<i>Lập kế hoạch giải phóng tàu tại Cảng, tổ chức chuyển đi cho tàu chuyển hoặc tàu định tuyến; tổ chức vận chuyển một lô hàng XNK cụ thể.</i>	4.0
1.6.1.2	<i>Nắm được các điều kiện về kinh doanh vận tải biển. Hiểu và phân biệt được các loại hình kinh doanh vận tải biển.</i>	3.0
1.6.1.3	<i>Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động kinh doanh vận tải biển.</i>	5.0
1.6.1.4	<i>Phân tích các nhân tố tác động đến giá dịch vụ cảng, các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh cảng trong kinh doanh cảng biển; các chế định pháp luật chi phối kinh doanh khai thác cảng biển</i>	4.0
1.6.1.5	<i>Các cách đánh giá hiệu quả đầu tư và khai thác cảng.</i>	4.0
1.6.2	Kinh doanh cảng biển	4.0
1.6.1.1	<i>Lập kế hoạch giải phóng tàu tại Cảng.</i>	4.0
1.6.1.2	<i>Phân tích các nhân tố tác động đến giá dịch vụ cảng, các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh cảng trong kinh doanh cảng biển; các chế định pháp luật chi phối kinh doanh khai thác cảng biển</i>	4.0
1.6.1.3	<i>Các cách đánh giá hiệu quả đầu tư và khai thác cảng.</i>	4.0
1.6.3	Kinh doanh vận tải biển	4.0
1.6.3.1	<i>Tổ chức chuyển đi cho tàu chuyển hoặc tàu định tuyến; tổ chức vận chuyển một lô hàng XNK cụ thể.</i>	4.0
1.6.1.2	<i>Nắm được các điều kiện về kinh doanh vận tải biển. Hiểu và phân biệt được các loại hình kinh doanh vận tải biển.</i>	3.0
1.6.1.3	<i>Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động kinh doanh vận tải biển.</i>	4.0
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN	
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	3.0

2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	3.0
2.1.1.1	<i>Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng</i>	3.0
2.1.1.2	<i>Phân tích các giả định và những nguồn định kiến</i>	3.0
2.1.2	Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định	3.0
2.1.2.1	<i>Hiểu và phân tích các biên độ, giới hạn và khuynh hướng</i>	3.0
2.1.2.2	<i>Phân tích các giới hạn và dự phòng</i>	3.0
2.1.3	Các giải pháp và khuyến nghị	3.0
2.1.3.1	<i>Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu</i>	3.0
2.1.3.2	<i>Phát hiện các khác biệt trong các kết quả</i>	3.0
2.2	Tư duy tầm hệ thống	
2.2.1	Tư duy toàn cục	3.0
2.2.1.1	<i>Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần</i>	3.0
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	3.0
2.2.2.1	<i>Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống</i>	3.0
2.2.2.2	<i>Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống</i>	3.0
2.4	Thái độ, tư tưởng và học tập	
2.4.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	3.0
2.4.1.1	<i>Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả</i>	3.0
2.4.1.2	<i>Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê</i>	3.0
2.4.1.3	<i>Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu</i>	3.0
2.4.2	Tư duy suy xét	3.0
2.4.2.1	<i>Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện</i>	3.0
2.4.2.2	<i>Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp</i>	3.0
2.4.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	3.0
2.4.3.1	<i>Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên</i>	3.0
2.4.3.2	<i>Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện</i>	3.0
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác	
2.5.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	3.0
2.5.1.1	<i>Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>	3.0
2.5.1.2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>	3.0
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	3.0
2.5.2.1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp</i>	3.0
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	Làm việc nhóm	
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	3.0
3.1.1.1	<i>Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm</i>	3.0
3.1.1.2	<i>Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên</i>	3.0
3.1.2	Hoạt động nhóm	3.0
3.1.2.1	<i>Xác định các mục tiêu và công việc cần làm</i>	3.0
3.1.2.2	<i>Vận dụng hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả</i>	3.0
3.1.2.3	<i>Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)</i>	3.0
3.1.2.4	<i>Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả</i>	3.0
3.2	Giao tiếp	
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	3.0
3.2.1.1	<i>Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy</i>	3.0

3.2.1.2	Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp	3.0
3.2.1.3	Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word	3.0
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	3.0
3.2.2.1	Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử	3.0
3.2.2.2	Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video	3.0
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ (ngoài yêu cầu chung về TOEIC 450, sinh viên cần có)	
3.3.1	Kỹ năng nghe	3.0
3.3.1	Có thể hiểu rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập... có thể hiểu được những điểm chính liên quan đến nghề nghiệp khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng	3.0
3.3.2	Kỹ năng đọc	3.0
3.3.2.1	Có thể hiểu được các văn bản liên quan đến công việc;	3.0
3.3.3	Kỹ năng nói	3.0
3.3.3.1	Có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp;	3.0
3.3.4	Kỹ năng viết	3.0
3.3.4.1	Có thể viết mạch lạc những vấn đề trong hợp đồng thuê tàu, chuyên ngành vận tải biển	3.0
4	NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP TRONG NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN	
4.1	Nhận thức về bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường hàng hải toàn cầu	4.0
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người cử nhân kinh tế vận tải biển	4.0
4.1.1.1	Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề	4.0
4.1.1.2	Xác định các trách nhiệm của cử nhân đối với xã hội và một tương lai bền vững	4.0
4.1.2	Bối cảnh lịch sử và văn hóa của kinh tế hàng hải trên phạm vi toàn cầu	4.0
4.1.2.1	Phân biệt được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống ngành hàng hải	4.0
4.1.2.2	Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động con người	4.0
4.1.3	Phát triển quan điểm kinh tế hàng hải toàn cầu	4.0
4.1.3.1	Xác định vận tải biển mang tính chất toàn cầu, chịu nhiều ảnh hưởng	4.0
4.2	Nhận thức về bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong ngành vận tải biển	4.0
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	4.0
4.2.1.1	Xác định sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và thước đo thành công trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	4.0
4.2.2	Các bên liên quan	4.0
4.2.2.1	Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan	4.0
4.2.2.2	Phân biệt các bên liên quan và các bên thụ hưởng (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.)	4.0

4.3	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC VẬN TẢI BIỂN	4.0
4.3.1	Thiết lập mục tiêu kinh tế (dựa trên nhu cầu thị trường và bối cảnh toàn cầu)	4.0
4.3.1.1	Xác định được nhu cầu thị trường và bối cảnh toàn cầu về phương án, dự án định triển khai	4.0
4.3.4	Quản lý dự án đầu tư cảng biển/tàu biển (rủi ro, tính khả thi, chi phí, nguồn lực...)	4.0
4.3.4.1	Có khả năng tính toán rủi ro, tính toán các chi phí và nguồn lực trong quá trình triển khai dự án	4.0
4.4	NĂNG LỰC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN/DỰ ÁN HAY CHÍNH SÁCH KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN	4.0
4.4.1	Quá trình thiết kế dự án (các điều kiện thực hiện...)	4.0
4.4.1.1	Phân tích các điều kiện về mặt kinh tế cần thiết để xây dựng phương án, dự án	4.0
4.4.4	Thiết kế dự án chuyên ngành (các công cụ, phương pháp và quy trình thích hợp...)	4.0
4.4.4.1	Sử dụng các công cụ kinh tế và ứng dụng các quy trình tích hợp	4.0
4.5	NĂNG LỰC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN / DỰ ÁN HAY CHÍNH SÁCH KINH TẾ VTB	4.0
4.5.2	Lựa chọn nguồn lực thực hiện phương án/dự án	4.0
4.5.2.1	Biết lựa chọn nguồn lực tối ưu để đạt mục tiêu	4.0
4.5.3	Tổ chức thực hiện phương án/dự án	4.0
4.5.3.1	Biết cách để tổ chức thực hiện phương án, dự án	4.0
4.6	NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN / DỰ ÁN KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN	4.0
4.6.2	Đánh giá kết quả thực hiện (kinh tế-xã hội-môi trường..)	4.0
4.6.2.1	Dựa trên các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế-xã hội-môi trường để tiến hành đánh giá kết quả	4.0
4.6.3	Điều chỉnh/nâng cấp dự án/phương án	4.0
4.6.3.1	Phân tích các kết quả đánh giá để cải tiến nâng cấp dự án, phương án	4.0

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Với mục tiêu đào tạo những nhà quản lý tương lai chương trình Kinh tế vận tải biển trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng và năng lực để tham gia quản lý nhà nước về vận tải biển, quản lý các doanh nghiệp vận tải biển và các doanh nghiệp cảng biển trong nước và nước ngoài, có khả năng định hướng phát triển doanh nghiệp trong từng thời điểm – giai đoạn thích hợp.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

Sinh viên có khả năng giao tiếp ngoại ngữ bằng tiếng Anh đặc biệt trong ngành Kinh tế vận tải biển với mục đích làm việc trong môi trường quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại vị trí Chuyên viên của phòng ban chức năng như Phòng kinh doanh, Phòng kế hoạch, Phòng Marketing, Phòng tổ chức, Phòng hỗ trợ - giao dịch khách hàng, Phòng khai thác hoặc Trợ lý cho nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý về vận tải biển. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các công việc tại:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về vận tải biển;
- Các doanh nghiệp vận tải biển;
- Các doanh nghiệp cảng biển;
- Các công ty cung cấp dịch vụ logistics;
- Các công ty giao nhận, đại lý, môi giới tàu biển.

Khả năng thăng tiến trong công việc:

- Sinh viên có khả năng nhận được việc làm thêm ngay trong quá trình học.
- Sinh viên có thể đi làm ngay sau khi tốt nghiệp tại các doanh nghiệp Việt Nam và Quốc tế
- Khả năng gia tăng thu nhập và lương.
- Cơ hội tham dự và nhận học bổng từ các chương trình học tập sau đại học tại Việt Nam và Quốc tế.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.
- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.
- e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.
- g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị

nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

HỌC KỲ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 14 TC			14						
1	18125	Toán chuyên đề	3	45				I	
2	19101	Triết học MLN	3	45	20			I	
3	15101	Kinh tế vi mô	3	45				I	
4	15115	Giới thiệu ngành kinh tế	2	30				I	
5	28301	Tài chính tiền tệ	3	45				I	
Tự chọn: 3/6 TC			3						
6	17102	Tin học văn phòng	3	35	20			I	
7	15640	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45				I	
TỔNG 17/20 TC			17						

HỌC KỲ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 9 TC			9						
1	15102	Kinh tế vĩ mô	3	45				I	15101
2	15117	Nguyên lý thống kê	2	30				I	18125
3	19401	Kinh tế chính trị	2	30				I	19101
4	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
Tự chọn: 5/10			5						
5	25101	Anh văn cơ bản 1	3	45				I	
6	15103	Kinh tế công cộng	3	45				I	
7	29101	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	
8	26101	Môi trường và bảo vệ môi trường	2	30				I	
TỔNG 14/19 TC			14						

HỌC KỲ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 12 TC			12						
1	19501	Chủ nghĩa XHKH	2	30				I	19101
2	11469	Pháp luật kinh tế	2	30				I	11401
3	28108	Nguyên lý kế toán	3	45				I	28301
4	28307	Thuế	2	30				I	
5	15105	Kinh tế lượng	3	45				I	15117;15102
Tự chọn: 3/6 TC			3						
6	25102	Anh văn cơ bản 2	3	45				I	
7	28239	Văn hóa doanh nghiệp	3	45				I	
		TỔNG 15/18 TC	15						

HỌC KỲ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 15TC			15						
1	15818	Tổng quan Logistics và CCU	3	45				I	
2	15635	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45				I	
3	19201	Tư tưởng HCM	2	30				I	19101
4	15330	Bảo hiểm	3	45				I	
5	15301	Địa lý vận tải	2	30				I	
6	15216	Hàng hóa trong vận tải	2	30				I	
Tự chọn: 3/9 TC			3						
6	25103	Anh văn cơ bản 3	3	45				I	
7	28214	Quản trị doanh nghiệp	3	45				I	
8	28302	Quản trị tài chính	3	45				I	
		TỔNG: 18/23 TC	18						

HỌC KỲ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 13TC			13						Tiên quyết
1	19302	Lịch sử ĐCSVN	2	30				I	19101
2	15305	Kinh tế cảng	2	30				I	
3	15332	Kinh tế vận chuyển	3	45				I	
4	23127	Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	2	30				I	
5	22347	Máy nâng chuyển	2	30				I	
6	15381	Thực tập cơ sở ngành	2	4T				II	
Tự chọn: 2/6 TC			2						
7	28109	Kế toán doanh nghiệp	2	30				I	28108
8	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	
9	15113	Kinh tế phát triển	2	30				I	
TỔNG: 15/19TC			15						

HỌC KỲ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 17TC			17						Tiên quyết
1	15386	Quản lý & Khai thác cảng	5	45			30	I	15305
2	15329	Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa	3	45				I	15102
3	15327	Quản lý tàu	3	45				I	15332
4	15322	Luật vận tải biển	3	45				I	11469
5	15138	Phương pháp NC trong KT	3	45				I	15105
Tự chọn: 2/8 TC			2						
6	30101	Nghiệp vụ kho hàng	2	30				I	
7	28103	Thị trường chứng khoán	2	30				I	15102
8	15618	Thương mại điện tử	2	30				I	
9	16234	Công trình cảng	2	30				I	
TỔNG: 19/25 TC			19						

HỌC KỶ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 11 TC			11						Tiên quyết
1	15811	Quản trị chiến lược CCU	2	30				I	15818
2	15388	Khai thác tàu	5	45			30	I	15327
3	15610	Nghiệp vụ hải quan	2	30				I	
4	15382	Thực tập chuyên ngành	2	4T				II	15381
Tự chọn: 3/9 TC			3						
5	15205	Toán kinh tế	3	45				I	18125
6	15213	Tổ chức lao động tiền lương	3	45				I	15386
7	28217	Quản trị dự án	3	45				I	15102
TỔNG: 14/20 TC			14						

HỌC KỶ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc: 4 TC									Tiên quyết
1	15383	Thực tập tốt nghiệp	4	8T				II	15382
Tự chọn: 6/12 TC			6						
2	15384	Khóa luận tốt nghiệp	6					I	15388,15386
3	15362	Kinh doanh vận tải biển	3	45				I	15388
4	15361	Kinh doanh cảng biển	3	45				I	15386
TỔNG: 10/16 TC			10						

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần

1. Triết học Mác-Lênin

Mã HP: 19101

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí học phần: Nằm trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin

Mục đích: Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

Nội dung: Bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Mã HP: 19401

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác - Lênin.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin cung cấp những tri thức kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng xác định các vấn đề thực tiễn liên quan đến học phần và tích cực học tập để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của bản thân với công cuộc phát triển kinh tế đất nước.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã HP: 19501

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên đã học xong học phần "Triết học Mác - Lênin", "Kinh tế chính trị Mác - Lênin"

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí học phần: Nằm trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

Mục đích: Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp cho sinh viên xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

Nội dung học phần:

Học phần có 7 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Kiến thức của học phần này, làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận, tìm hiểu tốt hơn nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã HP: 19201

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên đã học xong học phần Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp cho sinh viên có được tư duy đúng đắn, có khả năng nhận thức và áp dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình học tập, rèn luyện và tu dưỡng bản thân.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã HP: 19302

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp những kiến thức cơ bản về việc ra đời của Đảng và sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Từ đó, giúp sinh viên chủ động nhận thức, tôn trọng lịch sử, sự thật khách quan và biết cách tìm hiểu thông tin qua lựa chọn tư liệu, tài liệu nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong thực tiễn theo đường lối của Đảng.

6. Pháp luật đại cương

Mã HP: 11401

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1

Mô tả nội dung học phần:

Học phần pháp luật đại cương là môn học cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ nhất của tất cả các ngành trong trường.

Pháp luật kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam. Để đạt được mục đích này, nội dung chính của môn học bao gồm: nguồn gốc, bản chất, hình thức, bộ máy của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; hệ thống pháp luật Việt Nam thông qua giới thiệu một số ngành luật cơ bản như Hiến pháp, Hành chính, Hình sự, Tố tụng Hình sự, Dân sự, Lao động và các vấn đề về pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Sau khi học xong môn học, sinh viên phải hiểu biết được các vấn đề nhà nước và pháp luật, có khả năng vận dụng kiến thức để giải thích những vấn đề pháp lý trong thực tiễn, có khả năng xây dựng ý thức pháp luật để chấp hành tuân thủ pháp luật.

Pháp luật đại cương là môn học cơ sở bắt

7. Toán chuyên đề kinh tế

Mã HP: 18125

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Toán chuyên đề bao gồm các kiến thức về đại số và xác suất thống kê như: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, và ước lượng tham số nhằm giải quyết các vấn đề cơ bản của khối ngành kinh tế.

8. Giới thiệu ngành kinh tế

Mã HP: 15115

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không.

Mô tả nội dung học phần:

Là học phần mở đầu chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về ngành... để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên; giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức, phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của ngành

9. Tài chính tiền tệ

Mã HP: 28301

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Không

dung của học phần:

Tài chính tiền tệ là một trong những môn học cơ sở của khối ngành Kinh tế, sinh viên sẽ được nghiên cứu những lý thuyết về tài chính tiền tệ từ tổng quát đến chi tiết. Cụ thể là những lý luận cơ bản về tiền tệ tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; khái quát những nội dung cơ bản về các khâu tài chính trong hệ thống tài chính (tài chính công, tài chính doanh nghiệp, hệ thống ngân hàng và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng); tín dụng - lãi suất và hoạt động thị trường tài chính. Ngoài ra, phần lí thuyết trong môn học còn được bổ trợ bởi phần bài tập như bài tập về khấu hao tài sản cố định, lãi suất tín dụng, giá trị của tiền theo thời gian. Phần bài tập này chỉ mang tính chất tiền đề, giúp sinh viên có kiến thức cơ sở khi học các môn chuyên ngành khác của khối ngành Kinh tế.

10. Kinh tế vi mô

Mã HP: 15101

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Toán cao cấp

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí của môn học đối với CTĐT:

Kinh tế vi mô là môn học cơ sở có vai trò cung cấp khung lý thuyết cho các các môn định hướng ngành và kinh tế ngành cho tất cả chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

Mục đích:

Học phần kinh tế vi mô nhằm trang bị cho sinh viên các nguyên lý kinh tế cơ bản của nền kinh tế cũng như của các thành phần trong nền kinh tế, cách xác định cân bằng thị trường thông qua mô hình Cung – Cầu hàng hóa, các yếu tố xác định mức giá và sản lượng chung của thị trường, độ co giãn, cách lựa chọn kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và nhà sản xuất, các cấu trúc thị trường và vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Ngoài ra, trong khóa học này còn giúp sinh viên thực hành về mặt lượng khi phân tích hành vi kinh tế của các thành phần trong nền kinh tế, áp dụng các mô hình kinh tế vi mô để giải thích và đưa ra dự báo các xu hướng biến động

của thị trường hàng hóa, thị trường yếu tố sản xuất, giải thích được sự lựa chọn của người tiêu dùng nhằm tối đa hóa lợi ích trong sự ràng buộc ngân sách, đưa ra được các quyết định sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

Nội dung chính yếu của môn học

Học phần kinh tế vi mô bao gồm những nội dung về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất, các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ

11. Kinh tế vĩ mô

Mã HP: 15102

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Học sau học phần Kinh tế Vi mô

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí của môn học đối với CTĐT:

Kinh tế vĩ mô là môn học cơ sở có vai trò cung cấp khung lý thuyết cho các các môn định hướng ngành và kinh tế ngành cho tất cả chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

Mục đích:

Học phần kinh tế vĩ mô nhằm trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản - điểm mấu chốt để hiểu về sự vận động của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý cơ bản về các chính sách kinh tế vĩ mô. Ngoài ra, trong khoá học này sinh viên còn được trang bị một số công cụ và kỹ thuật phân tích được sử dụng rộng rãi trong phân tích kinh tế. Bởi vì người học sẽ có đủ cơ sở lý luận để dự đoán sự biến động của nền kinh tế và các thị trường khi có sự điều tiết của chính sách hay các ngoại ứng, từ đó có những chiến lược điều hành đúng đắn.

Nội dung chính yếu của môn học

Học phần kinh tế vĩ mô bao gồm những khái niệm, cách tính toán cũng như ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát, tổng cung, tổng cầu ... Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết về những chính sách của chính phủ đó là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ và tác động của chúng đến nền kinh tế. Cuối cùng là giới thiệu nền kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

12. Nguyên lý thống kê

Mã HP: 15117

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Học sau học phần Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí của môn học đối với CTĐT:

Nguyên lý thống kê là môn học cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác thống kê; các nguyên tắc, nguyên lý thống kê; các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn thống kê chuyên ngành; các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị phục vụ cho các môn định hướng ngành và kinh tế ngành cho tất cả các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

Mục đích:

Học phần nguyên lý thống kê cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp điều tra, thu thập thông tin phát triển sản xuất kinh doanh dịch vụ; tổng hợp tài liệu điều tra đồng thời

có kỹ năng vận dụng các phương pháp tính toán các chỉ tiêu; tham số đặc trưng; vận dụng hệ thống phương pháp để phân tích thực trạng sản xuất kinh doanh, dịch vụ, xã hội để thực hiện mục tiêu chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế xã hội.

Nội dung chính yếu của môn học

Học phần nguyên lý thống kê cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác thống kê: các nguyên tắc, nguyên lý thống kê; các bảng biểu thống kê thường gặp trong chuyên ngành; cách tính toán một số chỉ tiêu, các tham số đặc trưng cơ bản..

13. Pháp luật kinh tế

Mã HP: 11469

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Pháp luật đại cương.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần pháp luật kinh tế là môn học pháp lý thuộc nhóm môn cơ sở ngành được thiết kế cho sinh viên không thuộc chuyên ngành luật hàng hải.

Pháp luật kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh thương mại. Để đạt được mục đích này, nội dung chính của môn học bao gồm: địa vị pháp lý của doanh nghiệp, hợp đồng trong kinh doanh thương mại, phá sản doanh nghiệp và cơ chế giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

Sau khi học xong môn học, sinh viên phải hiểu biết được các vấn đề pháp luật kinh tế, có khả năng vận dụng kiến thức để giải thích những vấn đề pháp lý trong thực tiễn, có khả năng lựa chọn, thành lập, quản trị doanh nghiệp, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại cũng như vận dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

14. Nguyên lý kế toán

Mã HP: 28108

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên phải học các môn Lý thuyết tài chính tiền tệ, thuế vụ trước khi học học phần này.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về kế toán Việt Nam để làm nền tảng cho việc học môn kế toán doanh nghiệp và kế toán quản trị. Nội dung học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hạch toán kế toán, nghiên cứu các phương pháp kế toán, nghiên cứu báo cáo tài chính của doanh nghiệp, kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu, nghiên cứu cách ghi sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán.

15. Thuế

Mã HP: 28307

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Tài chính tiền tệ

Nội dung của học phần:

Môn học cung cấp kiến thức lý luận chung về thuế và nội dung cơ bản của các luật thuế hiện hành, bao gồm: thuế xuất – nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

16. Kinh tế lượng

Mã HP: 15105

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Đã học các học phần: Xác suất thống kê, Kinh tế vĩ mô.

Mô tả nội dung học phần:**Vị trí của môn học đối với CTĐT**

Kinh tế lượng là môn học cơ sở giúp hình thành nhận thức về việc xử lý dữ liệu, thông tin kinh tế theo quan điểm định lượng. Môn học hỗ trợ sinh viên lượng hóa các mối quan hệ kinh tế theo giả thuyết được phát biểu dựa trên lý thuyết kinh tế kinh điển hoặc kinh nghiệm thực tế và kiểm định lại mối quan hệ đó bằng thực nghiệm, phục vụ cho các môn định hướng ngành và kinh tế ngành cho tất cả các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

Mục đích

Học phần kinh tế lượng giúp sinh viên có kỹ năng về định lượng, phục vụ cho quá trình nghiên cứu kinh tế ở các bậc học sau và phục vụ cho quá trình làm việc làm việc thực tế sau này. Đặc biệt đây là công cụ đắc lực giúp nghiên cứu dự báo các biến kinh tế tương lai, từ đó là cơ sở cho các nhà quản lý đưa ra các kế hoạch cũng như các chính sách hoạch định kinh tế.

Nội dung chính yếu của môn học

Học phần kinh tế lượng cung cấp những kiến thức cơ bản về các mô hình hồi quy trong kinh tế lượng. Học phần này gồm 06 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, mối quan hệ nhân quả. Bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái quát về kinh tế lượng, Một số khái niệm trong mô hình hồi quy tuyến tính, Mô hình hồi quy đơn, Mô hình hồi quy bội, Biến giả, Sự vi phạm giả thiết.

17. Tổng quan Logistics và CCU**Mã HP: 15818****Điều kiện tiên quyết của học phần:**

Không

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí của học phần trong CTĐT: là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở chuyên ngành được giảng dạy trong CTĐT.

Mục đích của học phần:**Kiến thức:**

Mục tiêu của học phần Tổng quan Logistics và VTĐPT là trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Logistics và Chuỗi cung ứng về phần khái niệm, quy trình xây dựng và thực hiện, tạo nền tảng cho các học phần có liên quan khác. Ngoài ra học phần đi sâu vào giới thiệu vận tải đa phương thức quốc tế; phương thức quốc tế; Cơ sở vật chất kỹ thuật trong vận tải đa phương thức; Hệ thống luật thương mại và chứng từ trong vận tải đa phương thức; Tổ chức vận tải đa phương thức

Kỹ năng:

Sau khi kết thúc môn học, học viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng, lựa chọn phương thức vận chuyển, tính toán tổ chức vận tải có 1 hành trình.

Nội dung chủ yếu:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về logistics và chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, nguyên tắc cũng như cách thức quản trị các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết thực tiễn về logistics, dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng trong thực tế để dễ dàng tiếp thu, vận dụng cũng như hình thành nền tảng cho các môn học chuyên ngành khác

18. Giao dịch thương mại quốc tế

Mã HP: 15635

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Giao dịch thương mại quốc tế, nằm trong nhóm kiến thức cơ sở ngành, được xây dựng nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các phương thức giao dịch quốc tế thông dụng, về hình thức và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các điều kiện thương mại quốc tế thường được sử dụng trong quá trình làm ăn buôn bán. Bằng việc tham gia vào môn học, sinh viên sẽ rèn luyện được một số kỹ năng quan trọng như giao dịch bằng thư tín thương mại, lập hợp đồng thương mại... Trên cơ sở những kiến thức và kỹ năng tiếp nhận được, sinh viên sẽ sớm xác định được ý thức và thái độ đối với hoạt động nghề nghiệp trong tương lai của bản thân.

19. Bảo hiểm

Mã HP: 15330

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Không

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức cơ sở
- Loại học phần: bắt buộc
- Cung cấp kiến thức tổng quan về bảo hiểm nói chung và các kiến thức chuyên sâu về bảo hiểm trong vận tải hàng hóa và hành khách; đàm phán; ký kết các hợp đồng bảo hiểm: bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, bảo hiểm hàng hóa vận tải nội địa, bảo hiểm thân tàu biển, bảo hiểm thân tàu hoạt động trên vùng nội thủy Việt Nam, bảo hiểm vật chất xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự; giải quyết khiếu nại khi đối tượng bảo hiểm bị tổn thất.

20. Hàng hóa trong vận tải

Mã HP: 15216

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức về hàng hóa trong vận tải, về tính chất chung của từng nhóm hàng hóa phổ biến trong vận tải (hàng khô; hàng lỏng; nhóm hàng hóa đặc biệt; hàng container) và quan trọng hơn là yêu cầu trong việc bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển từng nhóm hàng này. Học phần Hàng hóa trong vận tải sẽ trang bị cho sinh viên lượng kiến thức cũng như những kỹ năng cần thiết được sử dụng khi sinh viên ra trường làm trong các phòng khai thác tàu, phương tiện vận tải tại các doanh nghiệp vận tải; cũng như các doanh nghiệp cảng, giao nhận, logisites,.....

21. Lý thuyết & kết cấu tàu thủy

Mã HP:23127

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Là học phần cơ sở cho ngành Máy tàu biển và ngành Kinh tế biển. Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Máy tàu biển và Kinh tế biển những kiến thức đại cương về các đặc trưng kỹ thuật – khai thác của tàu biển: đặc trưng về chiều dài, đặc trưng về trọng lượng và về dung tích, tốc độ tàu, tự hành hay không tự hành, tầm xa bơi lội và một số đặc trưng khác của tất cả các loại tàu vận tải. Đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tính năng hàng hải của con tàu: Tính nổi, Tính ổn định, tính chống chìm, Tính lắc,.. Các kết cấu và kiểu liên kết kết cấu của từng vùng cụ thể trên tàu thủy

22. Máy nâng chuyên

Mã HP: 22347

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Máy nâng chuyên nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành.

Nội dung học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về công dụng, phân loại, đặc điểm, tính năng kỹ thuật, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của máy nâng chuyên, cách tính toán các chi tiết, thiết bị chủ yếu của chúng. Học phần còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng đánh giá lựa chọn để khai thác sử dụng các thiết bị mang hàng và các loại máy nâng chuyên thông dụng.

23. Thực tập cơ sở ngành KTB

Mã HP: 15381

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức kỹ năng cơ sở.
- Loại học phần: Bắt buộc
- Giúp sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản và có nhận thức rõ ràng về ngành kinh tế vận tải biển; nắm được những kiến thức cơ bản về hoạt động của các hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành kinh tế vận tải biển; có kiến thức cơ bản về các tuyến vận tải. Vai trò, chức năng của cảng và các trang thiết bị tại cảng biển.
- Sinh viên được tìm hiểu tham quan thực tế tại các đơn vị sản xuất của ngành như: Cảng biển, Công ty vận tải biển, Trung tâm logistics, ICD, Xưởng đóng mới và sửa chữa tàu biển, Trung tâm mô phỏng... Sau đợt thực tập sinh viên có khả năng tổng hợp để viết Báo cáo thực tập cơ ngành.

24. Phương pháp NC trong KT

Mã HP: 15138

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Học sau học phần 15105.

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí của môn học đối với CTĐT:

Phân tích hoạt động kinh tế gắn với mỗi chuyên ngành cụ thể là môn học chuyên ngành có vai trò cung cấp kiến thức và kỹ năng phân tích tình hình kinh tế chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Để hiểu được môn học này, sinh viên cần nắm được các kiến thức lý thuyết chung về kinh tế và kiến thức chuyên ngành về Cảng và đội tàu.

Mục đích:

Học phần Phân tích hoạt động kinh tế giúp người học ý thức về vai trò của nhận thức trong mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức - quyết định – hành động đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý, nguyên tắc, kỹ thuật phân tích và thực hành các kỹ năng kỹ thuật cơ bản về phân tích hoạt động SXKD của các doanh nghiệp vận tải biển. Ngoài ra, môn học cũng hướng dẫn sinh viên viết các báo cáo phân tích một cách khoa học các bảng biểu, các số liệu và tổ chức bảo vệ các vấn đề nghiên cứu phân tích trước tập thể, trước hội nghị.

Nội dung chính yếu của môn học

Học phần Phân tích hoạt động kinh tế bao gồm các nội dung về cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp, phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.

25. Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng

Mã HP: 15811

Điều kiện tiên quyết của học phần:

HP: 15818.

Mô tả nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về hệ thống chuỗi cung ứng, và quản trị chiến lược chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, hoạt động, tác động của thông tin cũng như cách đo lường hiệu quả và xây dựng chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp. Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết về quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng hiện nay.

26. Nghiệp vụ hải quan

Mã HP: 15610

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Môn học nghiệp vụ hải quan thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Là nền tảng để SV tiếp cận các môn chuyên ngành như Giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Kinh doanh quốc tế.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các cơ sở pháp quy chủ yếu của nghiệp vụ hải quan như xuất xứ hàng hoá, cách xác định trị giá tính thuế, các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan cũng như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

SV sau khi học môn này nắm được các kiến thức cơ bản liên quan đến nghiệp vụ hải quan, có khả năng chuẩn bị hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ, khai hải quan điện tử trên phần mềm khai hải quan hiện hành, làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất nhập khẩu.

SV ý thức được trách nhiệm xã hội trong công việc mình làm, trung thực, có trách nhiệm với công việc được giao.

27. Địa lý vận tải

Mã HP: 15301

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Không

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

- Loại học phần: Bắt buộc

- Giúp người học nhận thức về những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển. Trang bị kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.

28. Kinh tế vận chuyển

Mã HP: 15332

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Không

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

- Loại học phần: Bắt buộc

- Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển.

29. Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa

Mã HP: 15329

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

Loại học phần: Bắt buộc

Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa tại cảng biển và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động đại lý tàu biển và giao nhận ở Việt Nam. Trang bị kiến thức cơ bản và thực hành các kỹ năng kỹ thuật cơ bản về hoạt động môi giới trong lĩnh vực hàng hải. Người học được cung cấp các kiến thức cần thiết để hoàn thiện kỹ năng nhằm thực hiện tốt công việc của người đại lý. Nâng cao khả năng làm việc và thảo luận nhóm, rèn luyện khả năng tư duy, giải quyết tình huống.

30. Kinh tế Cảng

Mã HP: 15305

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Không

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

- Loại học phần: Bắt buộc

- Giới thiệu cho sinh viên về vai trò, chức năng của cảng biển, các trang thiết bị tại cảng. Hiểu được những vấn đề chung về cảng. Thị trường phục vụ của cảng. Hoạt động của cảng và quản lý cảng. Tài sản cố định trong quá trình sản xuất ở cảng. Tổ chức sản xuất kỹ thuật ở cảng. Chi phí sản xuất phục vụ ở cảng. Hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất phục vụ ở cảng.

31. Quản lý & Khai thác cảng

Mã HP: 15386

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- 15305

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến những nguyên lý cơ bản trong công tác sản xuất ở cảng; cơ giới hóa công tác xếp dỡ hàng hóa đến cảng; cân đối khả năng thông qua của các khâu; cân đối nhân lực trong các khâu xếp dỡ ở cảng; tính toán đầu tư, chi phí cho các hoạt động sản xuất ở cảng và tiến hành tổ chức sản xuất ở cảng.

32. Luật vận tải biển

Mã HP: 15322

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- 11469

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.
- Loại học phần: Bắt buộc
- Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về pháp luật vận tải biển của Việt nam và những quy định theo các công ước quốc tế. Hoàn thiện khả năng tìm kiếm thông tin, nghiên cứu tài liệu, phân tích và xử lý tình huống trong thực tiễn có thể gặp phải trong lĩnh vực vận tải biển.

33. Quản lý tàu

Mã HP: 15327

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- 15326

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các chủ tàu biển luôn luôn bị các rủi ro rình rập tới các con tàu của mình, họ phải đối mặt với các nguy cơ thiệt hại tài sản, ô nhiễm môi trường do thiên tai và chính bản thân con người gây ra từ các con tàu của họ trong quá trình khai thác để tìm kiếm lợi nhuận. Để hạn chế các rủi ro và duy trì một con tàu luôn trong tình trạng sẵn sàng khai thác tạo ra nguồn thu nhập cho chủ tàu thì con tàu đó cần phải được quản lý tốt về mọi mặt. Quản lý tàu bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau: quản lý kỹ thuật, quản lý thuyền viên, tài chính, bảo hiểm, thương mại, cung ứng, trong mối liên hệ mật thiết với nhau.

34. Khai thác tàu

Mã HP: 15388

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- 15327

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.
- Loại học phần: Bắt buộc

- Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ khai thác tàu vận tải biển theo các hình thức tổ chức vận chuyển. Trang bị cho sinh viên ngành kinh tế vận tải biển những kỹ năng đàm phán ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng cho thuê tàu, kỹ năng soạn thảo và phát hành chứng từ vận chuyển, kỹ năng tổ chức chuyến đi và đánh giá chuyến đi của tàu.

35. Thực tập chuyên ngành KTB

Mã HP: 15382

Điều kiện tiên quyết của học phần:

15381

Mô tả nội dung học phần:

Giúp sinh viên hiểu nắm được những kiến thức về hoạt động của các hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành kinh tế vận tải biển; hiểu những kiến thức về nghiệp vụ quản lý khai thác cảng, nghiệp vụ quản lý và khai thác tàu, nghiệp vụ đại lý tàu biển.

36. Thực tập tốt nghiệp

Mã HP: 15383

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- 15382

Mô tả nội dung học phần:

Giúp sinh viên hiểu rõ và có khả năng thực hiện được nghiệp vụ quản lý khai thác cảng, nghiệp vụ quản lý và khai thác tàu, tổ chức giao nhận, đại lý tàu biển.

37. Tin học văn phòng

Mã HP: 17102

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về soạn thảo và định dạng văn bản với MS Word 2013, thao tác và xử lý dữ liệu trên bảng tính với MS Excel 2013; từ đó hình thành cho sinh viên các kỹ năng để có thể làm việc trên văn bản và bảng tính như sau:

- Thành thạo kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản cơ bản (định dạng kí tự, định dạng đoạn, định dạng trang văn bản) với Word 2013.
- Thành thạo các kỹ năng thao tác với bảng biểu và đối tượng đồ họa trong Word 2013.
- Thành thạo việc kiểm duyệt nội dung, tạo tham chiếu và liên kết trong Word 2013.
- Có thể thực hiện trộn thư với Word 2013.
- Thành thạo kỹ năng tạo bảng tính và định dạng dữ liệu, trang in trong Excel 2013.
- Thành thạo việc sử dụng các hàm cơ bản trong Excel 2013 (hàm thống kê, hàm logic, hàm tìm kiếm).

38. Quan hệ kinh tế quốc tế

Mã HP: 15640

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế nằm trong nhóm kiến thức cơ sở ngành, được xây dựng nhằm mục đích giúp sinh viên nắm được những kiến thức chung về nền kinh tế thế giới, các quan hệ kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, di chuyển lao động quốc tế, cán cân

thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế; hướng dẫn sinh viên áp dụng kiến thức để giải thích những mối liên hệ, sự tác động qua lại lẫn nhau của các thành phần trong nền kinh tế thế giới.

39. Anh văn cơ bản 1

Mã HP: 25101

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong giao tiếp, gồm các vấn đề về cấu trúc câu, thời động từ, mệnh đề quan hệ, liên từ, các cấp so sánh, v.v. Chương trình cũng bao gồm các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau. Kỹ năng nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v. Kỹ năng nói gồm các chủ đề nói về bản thân, một bức ảnh/ tranh nổi tiếng, giấc mơ, địa điểm yêu thích, v.v. Đọc gồm các bài báo ngắn về gia đình, các địa điểm du lịch, các câu chuyện kể về những bức ảnh đẹp, những giấc mơ, v.v. Bên cạnh đó là những bài luyện phát âm các phụ âm, nguyên âm, trọng âm từ và ngữ điệu câu. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nội dung tự học có liên quan, hỗ trợ cho nội dung giảng dạy trên lớp theo đường hướng đi sâu hoặc nâng cao.

Phần tự học gồm các bài tập giúp củng cố thêm những kiến thức học trên lớp. Trong đó có các bài tập bám sát những kiến thức ngữ pháp đã học, các bài tập luyện phát âm, các phần từ vựng và bài đọc cùng chủ đề học trên lớp để sinh viên mở rộng thêm vốn từ vựng và củng cố kỹ năng đọc hiểu. Kết thúc học phần sinh viên đạt trình độ năng lực A2 theo khung trình độ Châu Âu.

40. Kinh tế công cộng

Mã HP: 15103

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Toán cao cấp

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí của môn học đối với CTĐT:

Kinh tế công cộng là môn khoa học cơ sở, bên cạnh nhóm môn kinh tế nền tảng cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về dạng khuyết tật nền kinh tế cũng như vai trò chính phủ trong việc điều tiết thị trường về trạng thái mong muốn.

Mục đích:

Học phần kinh tế công cộng nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả. Môn học nghiên cứu các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng. Môn học đề cập đến tác động của các chính sách của chính phủ trong việc khắc phục khuyết tật của nền kinh tế nhằm hướng nền kinh tế về trạng thái như mong muốn

Nội dung chính yếu của môn học

Học phần kinh tế công cộng bao gồm những nội dung về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, vị trí, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế, việc phân bổ nguồn lực, các dạng thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ

41. Kỹ năng mềm 1

Mã HP: 29101

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

- Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng nhằm:
+ Hiểu được các nguyên tắc, quy trình giao tiếp và vận dụng trong thực tiễn.
+ Nắm được cách thức, kỹ năng xây dựng và thực hiện hoàn chỉnh bài thuyết trình.
+ Nhận diện và giải quyết một cách tích cực, triệt để những vấn đề nảy sinh trong quá trình làm việc nhóm.

- Nội dung chính của môn học:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn. Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.

42. Môi trường và bảo vệ môi trường

Mã HP: 26101

Điều kiện đăng ký học phần:

Không.

Mô tả nội dung học phần:

- Vị trí của môn học: là học phần thuộc nhóm kiến thức hỗ trợ của chương trình đào tạo.

- Mục đích của môn học là trang bị các kiến thức và kỹ năng cho sinh viên nhằm:

+ Hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên; giải thích được một số dạng ô nhiễm các thành phần môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu; hiểu được mối quan hệ giữa dân số với các áp lực tài nguyên và môi trường, biết được các giải pháp về mặt chiến lược, quản lý và kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Nhận thức được vai trò của bản thân và có thái độ ứng xử đúng đắn trong vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý.

- Nội dung chính của môn học: Học phần Môi trường và bảo vệ môi trường cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường, một số dạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu; mối quan hệ giữa dân số và môi trường, môi trường và phát triển bền vững; một số luật pháp đang được áp dụng trên thế giới và tại Việt Nam nhằm bảo vệ môi trường.

43. Anh văn cơ bản 2

Mã HP: 25102

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Học phần này tiếp tục cung cấp kiến thức cao hơn về các hiện tượng ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ (quá khứ, hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành), danh động từ, động từ nguyên mẫu, động từ khuyết thiếu, thành ngữ động từ, giới từ, đại từ, câu bị động, câu trực tiếp, gián tiếp .., v.v. Các chủ đề từ vựng tiếp tục trải rộng từ thể thao, động vật, trường học, phát minh, sức khỏe, ..v.v. Chương trình cũng bao gồm các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau. Kỹ năng nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v. Kỹ

năng nói luyện chuyên sâu kỹ năng trả lời interview (phỏng vấn) và tự trình bày ngắn về các chủ đề quen thuộc với cuộc sống như gia đình, sở thích, quê hương, lễ hội, du lịch, phát thanh, truyền hình, thời tiết, v.v. Kỹ năng viết chuyên sâu về việc sử dụng đúng ngữ pháp, đúng cấu trúc câu để viết đoạn văn có độ dài trung bình (80-100 từ). Đọc gồm các bài báo ngắn về thể thao, động vật, trường học, phát minh, sức khỏe, lối sống, v.v. Bên cạnh đó là những bài luyện phát âm các phụ âm, nguyên âm, trọng âm từ và ngữ điệu câu. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nội dung tự học có liên quan, hỗ trợ cho nội dung giảng dạy trên lớp theo đường hướng đi sâu hoặc nâng cao.

Phần tự học gồm các bài tập giúp củng cố thêm những kiến thức học trên lớp. Trong đó có các bài tập bám sát những kiến thức ngữ pháp đã học, các bài tập luyện phát âm, các phần từ vựng và bài đọc cùng chủ đề học trên lớp để sinh viên mở rộng thêm vốn từ vựng và củng cố kỹ năng đọc hiểu. Kết thúc học phần sinh viên đạt trình độ năng lực A2-B1 theo khung trình độ Châu Âu.

44. Văn hóa doanh nghiệp

Mã HP: 28239

Điều kiện đăng ký học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Giới thiệu những kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp; các loại hình văn hóa doanh nghiệp; một số vấn đề về đạo đức kinh doanh; những nội dung cơ bản về văn hóa doanh nhân và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

45. Anh văn cơ bản 3

Mã HP: 25103

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Học phần này tiếp tục củng cố và mở rộng kiến thức ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ (thể hiện tại, quá khứ, tương lai), so sánh, động từ khuyết thiếu, v.v. Các chủ đề từ vựng tiếp tục trải rộng từ thể thao, thực phẩm, gia đình, tiền bạc, lối sống, du lịch, giao thông, văn hóa ..v.v. Chương trình cũng bao gồm các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau. Kỹ năng nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v. Kỹ năng nói luyện chuyên sâu kỹ năng trả lời interview (phỏng vấn) và tự trình bày ngắn về các chủ đề xã hội như học tập, công việc, du lịch, sức khỏe, sự kiện, tài sản v.v. Kỹ năng viết chuyên sâu đoạn văn có độ dài trung bình (100-150 từ). Đọc gồm các bài báo có kết cấu từ vựng và ngữ pháp phức tạp hơn về thể thao, thực phẩm, gia đình, tiền bạc, lối sống, du lịch, giao thông, văn hóa, ..v.v. Bên cạnh đó là những bài luyện phát âm các phụ âm, nguyên âm, trọng âm từ và ngữ điệu câu. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nội dung tự học có liên quan, hỗ trợ cho nội dung giảng dạy trên lớp theo đường hướng đi sâu hoặc nâng cao.

Phần tự học gồm các bài tập giúp củng cố thêm những kiến thức học trên lớp. Trong đó có các bài tập bám sát những kiến thức ngữ pháp đã học, các bài tập luyện phát âm, các phần từ vựng và bài đọc cùng chủ đề học trên lớp để sinh viên mở rộng thêm vốn từ vựng và củng cố kỹ năng đọc hiểu. Kết thúc học phần sinh viên đạt trình độ năng lực B1 theo khung trình độ Châu Âu.

46. Quản trị doanh nghiệp

Mã HP: 28214

Điều kiện đăng ký học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Là học phần thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị doanh nghiệp và sự vận dụng trong thực tiễn. Những khái niệm cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp; các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp; các chức năng cơ bản của nhà quản lý trong doanh nghiệp; nghiệp vụ quản lý nhân sự; nghiệp vụ quản lý chi phí và kết quả; đánh giá hiệu quả kinh doanh.

47. Quản trị tài chính

Mã HP: 28302

Điều kiện đăng ký học phần:

Không

Mô tả nội dung học phần:

Là học phần thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị doanh nghiệp và sự vận dụng trong thực tiễn. Những khái niệm cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp; các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp; các chức năng cơ bản của nhà quản lý trong doanh nghiệp; nghiệp vụ quản lý nhân sự; nghiệp vụ quản lý chi phí và kết quả; đánh giá hiệu quả kinh doanh.

48. Kế toán doanh nghiệp

Mã HP: 28109

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Mô tả nội dung học phần

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về tổ chức công tác thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp cho các cơ quan chức năng, các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp.

Thực hành kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các phần hành Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Biết lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, định khoản vào các sổ sách kế toán liên quan tới nghiệp vụ cụ thể trong doanh nghiệp với các phần hành kế toán ở trên.

49. Kỹ năng mềm 2

Mã HP: 29102

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Không

Mô tả nội dung học phần:

- Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng nhằm:

+ Định hướng được mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với bản thân, nắm bắt xu thế của thị trường lao động.

+ Nắm rõ cách thức xây dựng và hoàn thiện bộ hồ sơ ứng tuyển.

+ Hiểu rõ quy trình tuyển dụng, kỹ năng trả lời phỏng vấn một cách hiệu quả.

+ Nhận biết và giải quyết các vấn đề trong quá trình làm việc thông qua kỹ năng sắp xếp công việc, quản lý thời gian; nắm được các quy tắc ứng xử nơi công sở.

- Nội dung chính của môn học:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về việc xác định mục tiêu nghề nghiệp, cách thức xây dựng một bộ hồ sơ hoàn chỉnh nhằm gây ấn tượng với nhà tuyển dụng, nắm được kỹ năng trả lời phỏng vấn đạt hiệu quả cao; đồng thời có khả năng quản lý tốt công việc của bản thân.

50. Kinh tế phát triển

Mã HP: 15108

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên phải học và thi đạt học phần kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

Mô tả nội dung học phần:

Vị trí của môn học đối với CTĐT:

Kinh tế phát triển là môn học cơ sở có vai trò cung cấp khung lý thuyết về phát triển kinh tế cho tất cả chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

Mục đích:

Môn học cung cấp cho học viên nền tảng kiến thức về những vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển bao gồm: đặc trưng của các nước đang phát triển, các phương pháp đánh giá sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia cả về mặt lượng cũng như mặt chất, các nguồn lực của quá trình phát triển kinh tế và vai trò của các nguồn lực đó đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Bên cạnh đó học viên cũng được tiếp cận với những học thuyết, mô hình kinh tế được sử dụng để lý giải sự biến động của hệ thống kinh tế của mỗi quốc gia như là sự tăng trưởng kinh tế hay sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Nội dung chính yếu của môn học

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các quốc gia trên thế giới trong giai đoạn hiện nay như: các nước đang phát triển và sự lựa chọn con đường phát triển, tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế. Ngoài ra học viên cũng được tiếp cận những học thuyết là cơ sở lý luận để giải thích sự biến động của hệ thống kinh tế bao gồm: các mô hình tăng trưởng kinh tế các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Cuối cùng là các nguồn lực tăng trưởng kinh tế và vai trò của ngoại thương với phát triển kinh tế

51. Nghiệp vụ kho hàng

Mã HP: 30101

Điều kiện đăng ký học phần:

- Không

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Nghiệp vụ kho hàng là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế ngoại thương, bổ sung kiến thức và kỹ năng thực hành thực tế cho sinh viên. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về kho, phương pháp lưu trữ, bảo quản hàng, quy trình nghiệp vụ xuất, nhập hàng qua kho, quản lý tồn kho; vận dụng được nguyên lý vận hành và các quy tắc bảo đảm an toàn khi sử dụng các trang thiết bị xếp dỡ, vận chuyển hàng trong kho. Học phần gồm 3 nội dung chủ yếu: (1) Lý thuyết chung về kho, vai trò của kho hàng trong chuỗi logistics; (2) Cấu trúc kho, các phương pháp sắp xếp, bảo quản hàng trong kho, quy trình nghiệp vụ xuất, nhập hàng qua kho; (3) Thực hành sử dụng các thiết bị trong hoạt động kho hàng (cứu hỏa, thiết bị nâng chuyển hàng, thiết bị quản lý hoạt động xuất nhập hàng qua kho).

52. Thị trường chứng khoán

Mã HP: 28103

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Môn học tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Mô tả nội dung học phần

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán của Thế giới cũng như của Việt Nam, cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường. Qua đó giúp cho người học có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán.

53. Thương mại điện tử

Mã HP: 15618

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- Không

Mô tả nội dung học phần:

Thương mại điện tử thuộc khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành thuộc ngành kinh tế ngoại thương giúp sinh viên có vốn kiến thức đầy đủ về các hoạt động thương mại trong môi trường quốc tế hiện nay.

Học phần thương mại điện tử nhằm trang bị cho sinh viên các khái niệm, thuật ngữ, hệ thống các chỉ tiêu phân tích đánh giá hiệu quả, tình hình thực tiễn, xu hướng phát triển... của hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam cũng như trên thế giới.

Học phần gồm 5 nội dung chính: Nội dung thứ nhất mô tả một cách tổng quan về hoạt động thương mại điện tử; Nội dung thứ hai hướng dẫn đặc điểm thương mại điện tử; Nội dung thứ ba cung cấp những kiến thức cần thiết liên quan tới Marketing điện tử; Nội dung thứ tư nghiên cứu các ứng dụng của thương mại điện tử; Cuối cùng, nội dung thứ năm giúp tìm hiểu những vấn đề về cơ sở vật chất kỹ thuật và pháp lý về thương mại điện tử.

54. Công trình cảng

Mã HP: 16234

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Học phần học trước: Địa lý vận tải.

Mô tả nội dung học phần:

Học phần Công trình cảng là một trong những môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế biển. Nội dung của học phần bao gồm nghiên cứu tổng quan về cảng và vai trò của cảng trong sự phát triển kinh tế; tìm hiểu các nhân tố cơ bản cần xem xét trong công tác thiết kế quy hoạch cảng; quy hoạch và thiết kế các khu nước của cảng; quy hoạch và thiết kế khu đất của cảng; cơ giới hóa công tác xếp dỡ hàng hóa ở cảng và tìm hiểu một số công trình bến cơ bản.

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên hiểu được các kiến thức tổng quan về cảng và vai trò của cảng trong sự phát triển kinh tế, đặc biệt hiểu được hệ thống cảng biển Việt Nam. Sinh viên hiểu được mức độ chi phối của các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quy hoạch cảng. Từ đó, sinh viên tính toán được kích thước các khu nước bộ phận và khu đất của một cảng cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của vùng miền và mục đích khai thác cảng.

55. Toán kinh tế

Mã HP: 15205

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên đã học hoặc học song song các học phần: Khai thác cảng, Khai thác đội tàu.

Mô tả nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên kinh tế những kiến thức để phân tích xây dựng những mô hình toán học được sử dụng để giải quyết nhiều bài toán thực tế, chẳng hạn như bài toán phân phối luồng hàng và quy hoạch tuyến đường vận chuyển tối ưu, bài toán về lập kế hoạch tác nghiệp xếp dỡ ở cảng, lập kế hoạch phân bổ tàu trên các tuyến tàu chợ, điều tàu thực hiện các chuyến đi của tàu chuyển, phân công lao động theo các vị trí công tác khác nhau...

Nghiên cứu sâu môn học này sẽ giúp sinh viên trở thành các nhà khai thác và quản lý tốt các lĩnh vực trong vận tải biển. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất dựa trên các mô hình toán tối ưu một cách hiệu quả.

56. Tổ chức LĐ tiền lương

Mã HP: 15213

Điều kiện tiên quyết của học phần:

Sinh viên đã học hoặc học song song các học phần: Khai thác cảng, Khai thác đội tàu.

Mô tả nội dung học phần:

Cung cấp cho sinh viên ngành Kinh tế vận tải thủy những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tổ chức lao động và tiền lương trong doanh nghiệp; tìm hiểu về tổ chức lao động khoa học và nội dung của tổ chức lao động khoa học trong doanh nghiệp; nắm được phương pháp định mức lao động và các phương pháp định mức kỹ thuật lao động; nghiên cứu công tác định mức kỹ thuật lao động trong công tác xếp dỡ hàng hóa ở cảng; có được các kiến thức về công tác tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp, lập kế hoạch lao động và tiền lương.

57. Quản trị dự án

Mã HP: 28204

Điều kiện đăng ký học phần:

Toán tài chính

Mô tả nội dung học phần:

Môn học chuyên ngành này cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh những kiến thức về dự án đầu tư, nội dung và trình tự lập dự án, phân tích tài chính, kinh tế xã hội của dự án, quản lý dự án, thẩm định dự án đầu tư. Sinh viên có khả năng vận dụng hiểu biết của mình về dự án để lập các dự án đầu tư trong thực tiễn.

58. Khóa luận tốt nghiệp

Mã HP: 15384

Điều kiện tiên quyết của học phần:

15386, 15388.

Mô tả nội dung học phần:

Giúp sinh viên xây dựng và tổ chức thực hiện một kế hoạch tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn tại các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển, các công ty dịch vụ trong ngành công nghiệp vận tải biển.

59. Kinh doanh cảng biển

Mã HP: 15361

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- 15386

Mô tả nội dung học phần:

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến: Những nguyên lý cơ bản trong công tác sản xuất ở cảng; Cơ giới hóa công tác xếp dỡ hàng hóa đến cảng; Cân đối khả năng thông qua của các khâu; Cân đối nhân lực trong các khâu xếp dỡ ở cảng; Tính toán đầu tư, chi phí cho các hoạt động sản xuất ở cảng và tiến hành tổ chức sản xuất ở cảng.

60. Kinh doanh vận tải biển

Mã HP: 15362

Điều kiện tiên quyết của học phần:

- 15388

Mô tả nội dung học phần:

- Thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

- Loại học phần: Tự chọn tốt nghiệp

Môn học cung cấp cho học viên/sinh viên ngành kinh tế vận tải biển những kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh vận tải biển phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước và môi trường kinh doanh vận tải biển quốc tế.

MỤC LỤC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	16
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	18
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	20
2.4. Tóm tắt các học phần	24
1. Triết học Mác-Lênin	24
2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	24
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	24
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	25
5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	25
6. Pháp luật đại cương	25
7. Toán chuyên đề kinh tế	25
8. Giới thiệu ngành kinh tế	26
9. Tài chính tiền tệ	26
10. Kinh tế vi mô	26
11. Kinh tế vĩ mô	27
12. Nguyên lý thống kê	27
13. Pháp luật kinh tế	28
14. Nguyên lý kế toán	28
15. Thuế	28
16. Kinh tế lượng	28
17. Tổng quan Logistics và CCU'	29
18. Giao dịch thương mại quốc tế	30
19. Bảo hiểm	30
20. Hàng hóa trong vận tải	30
21. Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	30
22. Máy nâng chuyển	31
23. Thực tập cơ sở ngành KTB	31
24. Phương pháp NC trong KT	31
25. Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	32
26. Nghiệp vụ hải quan	32
27. Địa lý vận tải	32
28. Kinh tế vận chuyển	33
29. Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa	33
30. Kinh tế Cảng	33

31. Quản lý & Khai thác cảng	33
32. Luật vận tải biển	34
33. Quản lý tàu	34
34. Khai thác tàu	34
35. Thực tập chuyên ngành KTB	35
36. Thực tập tốt nghiệp.....	35
37. Tin học văn phòng	35
38. Quan hệ kinh tế quốc tế	35
39. Anh văn cơ bản 1	36
40. Kinh tế công cộng	36
41. Kỹ năng mềm 1	37
42. Môi trường và bảo vệ môi trường	37
43. Anh văn cơ bản 2	37
44. Văn hóa doanh nghiệp.....	38
45. Anh văn cơ bản 3	38
46. Quản trị doanh nghiệp.....	38
47. Quản trị tài chính	39
48. Kế toán doanh nghiệp.....	39
49. Kỹ năng mềm 2	39
50. Kinh tế phát triển.....	40
51. Nghiệp vụ kho hàng	40
52. Thị trường chứng khoán	41
53. Thương mại điện tử	41
54. Công trình cảng	41
55. Toán kinh tế	42
56. Tổ chức LĐ tiền lương.....	42
57. Quản trị dự án	42
58. Khóa luận tốt nghiệp	42
59. Kinh doanh cảng biển.....	43
60. Kinh doanh vận tải biển	43